TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** TỈNH ĐẮK NÔNGẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNGẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hòa
2. Bà Phạm Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nôngắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nôngắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Vắng mặt.
Trú tại: Thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Bị đơn: Anh Ngô Văn Q - Có mặt
Trú tại: Thôn 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 14/11/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 26/3/2020, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh Q kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Anh chị kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc trong một thời gian dài. Bắt đầu từ năm 2018, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân, không hợp về tính cách, trong việc làm ăn, tiền bạc không rõ ràng, anh Q hay lấy tiền của gia đình tiêu xài vào mục đích cá nhân không có lý do chính đáng, chị H nghi ngờ anh Q có mối quan hệ ngoại tình, hay chửi, đánh vợ con (Không gây thương tích). Vợ, con nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không lắng nghe. Hàng xóm biết chuyện khuyên nhủ nhưng anh Q không thay đổi. Cuộc sống gia đình không êm ấm, lúc nào cũng ồn ào, mâu thuẫn, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Từ tháng 12/2019 anh, chị sống ly thân, sau đó anh Q xin lỗi, hứa hẹn nên vợ chồng lại làm hòa. Đến ngày mùng 8 Tết âm lịch (Tức 01/02/2020 Dương lịch) anh Q tiếp tục có liên lạc với người phụ nữ mà trước đây chị H đã nghi ngờ nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị H bỏ đi làm công nhân ở Bình Dương đến nay. Hiện tại chị H không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Lỗi dẫn đến ly hôn là do anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 05 người con chung, hiện tại 03 người con đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Còn 02 người con nhỏ là Ngô Thị L sinh ngày 17/08/2003 và Ngô Văn C sinh ngày 17/04/2010, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Ngô Văn Q trình bày:

Anh Q thừa nhận những trình bày của chị H về việc mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian sống ly thân, nhưng nguyên nhân không đúng như chị H trình bày. Anh Q không thừa nhận việc lấy tiền chung của gia đình chi tiêu vớ vẩn. Không thừa nhận việc chị H nghi ngờ anh Q ngoại tình. Nguyên nhân chị H nghi ngờ là do anh Q có một người em gái kết nghĩa thỉnh thoảng liên lạc với nhau, có đến nhà chơi nhưng chị H không đồng ý nên anh Q đã hứa từ nay không liên lạc với người đó nữa. Mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, anh Q vẫn yêu thương vợ con nên không chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 05 người con chung như chị H trình bày. Anh Q không đồng ý giao hai con chung là Ngô Thị L và Ngô Văn C cho chị H nuôi dưỡng vì hiện tại chị H đi làm công nhân ở Bình Dương, cháu L đang ở cùng chị H còn cháu C đang ở cùng anh Q. Xét về thu nhập và điều kiện sinh hoạt, chị H không thể nuôi con tốt bằng anh Q nên anh Q có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đồng ý không yêu cầu tòa án phân chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con của nguyên đơn và bị đơn đều đảm bảo, tuy nhiên thực tế hiện nay anh Q và chị H đã sống ly thân, cháu L đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu C đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu C cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Văn Q. Anh Q có hộ khẩu thường trú và sống tại xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Về xét xử vắng mặt nguyên đơn: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên HĐXX xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H khai nhận chị và anh Q chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông vào ngày 21/10/1994. Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn anh Q sinh ngày 20/8/1973 thì thời điểm đăng ký kết hôn anh Q đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 của luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy tờ tùy thân, xác nhận của công an xã Đ thì anh Q sinh ngày 20/8/1978, kết hôn năm 1994 là vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn. Tuy nhiên, hai bên chung sống hạnh phúc, đã có con và tài sản chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn thì HĐXX không xử huỷ việc kết hôn trái pháp luật mà áp dụng Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để xét xử theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xét anh Q và chị H chung sống hạnh phúc sau khi kết hôn, có con chung và tài sản chung, bắt đầu từ năm 2018, hai vợ chồng mới nảy sinh mâu thuẫn. Từ tháng 12/2019 anh chị sống ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị H xác nhận không còn tình cảm với anh Q, khả năng đoàn tụ không còn nên HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H ly hôn anh Q.

- Về con chung: Anh chị có 05 người con, hiện tại 03 người con đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết. Còn cháu Ngô Thị L sinh ngày 17/08/2003 và cháu Ngô Văn C sinh ngày 17/04/2010 chị H có nguyện vọng nuôi hai cháu đến tuổi trưởng thành, các cháu L, C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của anh Q và chị H đều đảm bảo, hiện nay anh Q và chị H đã sống ly thân, cháu L đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu C

đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX cần chấp nhận giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu C cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H 1.500.000 đồng/tháng/hai cháu không phù hợp vì mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung nên HĐXX không chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì chị Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 85; Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Văn Q. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 21/10/1994 của Ủy ban nhân dân xã Đắk D'rông, Cư Jút, Đắk Nông) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Thị L sinh ngày 17/08/2003 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao con chung Ngô Văn C sinh ngày 17/04/2010 cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

[2] Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H 1.500.000 đồng/tháng/hai con.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002599 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nôngắk Nông; chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nôngắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND xã Đắk D'rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN THỊ TRÚC LINH